

Bản án số: 377/2019/DS-ST.
Ngày: 28-10-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Kim Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Năm**

2. Bà **Lý Ngọc Mạnh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Cao Sơn** - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phan Xuân Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2019/QĐST-DS ngày 07/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng V**

Trụ sở: Đường H, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1987 và ông **Huỳnh Ngọc V**, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Đường T, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 11/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 và Văn bản ủy quyền số 19490/2019/UQ-PGDK ngày 06/6/2019).

Bị đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Đường P, Phường E, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 10 tháng 6 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn – Ngân hàng V có ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 16/5/2017, Ngân hàng V đồng ý cấp tín dụng cho bà Trần Thị N trên cơ sở đề nghị vay vốn của bà N tại “Giấy Đăng ký vay tiêu dùng, kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN 1705090046850 ngày 05/5/2017” được xem là Hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau: Số tiền vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích sử dụng vốn vay kinh doanh, lãi suất vay 50%/năm (lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn theo quy định trong Bộ Điều khoản và Điều kiện của Ngân hàng V), giải ngân toàn bộ số tiền vay bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản số 92085805 của bà N mở tại Ngân hàng V.

Thực hiện hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán cho Ngân hàng V 04 lần với tổng số tiền là 33.076.771 đồng (tiền gốc là 27.750.304 đồng và lãi là 5.326.467 đồng).

Kể từ ngày 27/8/2017 đến nay, bà N không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào dù Ngân hàng V nhiều lần nhắc nhở.

Nay, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị N phải trả ngay một lần cho Ngân hàng V toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 28/10/2019 là 59.474.540 đồng (trong đó: nợ gốc là 22.249.696 đồng, nợ lãi là 37.224.884 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/10/2019 cho đến ngày bà N trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 16/5/2017.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – bà Trần Thị N đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, bà N cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà N.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Minh T và ông Huỳnh Ngọc V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn - bà Trần Thị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng V khởi kiện bà Trần Thị N yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, xác định đây là vụ án dân sự về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”; bị đơn đang cư trú tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Minh T có Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các bên.

- Nguyên đơn – Ngân hàng V do ông Nguyễn Minh T và ông Huỳnh Ngọc V là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai (bằng thủ tục niêm yết về ngày, giờ tham gia phiên tòa) nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, việc Ngân hàng V yêu cầu bà Trần Thị N trả cho Ngân hàng V tổng số tiền nợ còn thiếu bao gồm (nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 28/10/2019 là 59.474.540đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/10/2019 cho đến ngày bà N trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 16/5/2017. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà N đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa (bằng thủ tục niêm yết) nhưng bà N không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng. Đồng thời, bà N cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Điều này xem như bà N đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

- Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc:

Căn cứ vào “Giấy Đăng ký vay tiêu dùng, kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN 1705090046850 ngày 05/5/2017” của bà Trần Thị N đề nghị, được Ngân hàng V chấp thuận ngày 16/5/2017 và Bảng mô tả ngày giải ngân chuyển khoản số tiền nợ tín dụng thể hiện giữa Ngân hàng V với bà N có giao kết Hợp đồng tín dụng, giải ngân một lần bằng cách chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán tại Ngân hàng V (tên khách hàng Trần Thị N, ngày giải ngân: 16/5/2017, ngày chuyển khoản: 16/5/2017, nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN 1705090046850), số tiền vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích sử dụng vốn vay kinh doanh, lãi suất vay 50%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn là có thật. Trong quá trình vay vốn, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, số tiền nợ gốc còn nợ Ngân hàng V đến ngày 28/10/2019 là 22.249.696 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà N đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng đã ký kết. Do đó yêu cầu đòi tiền nợ gốc của Ngân hàng V là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

- Về yêu cầu đòi tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

Do bà N liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong quá trình vay vốn, nên ngày 29/5/2019 Ngân hàng V đã có thông báo cho bà N việc chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn, đồng thời Ngân hàng V chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 2, Điều 6, Điều 7 Bộ Điều khoản và điều kiện của Ngân hàng V mà bà N xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý tuân theo; đúng theo quy định pháp luật tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét yêu cầu của Ngân hàng V đòi bà N thanh toán các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đến ngày 28/10/2019 với tổng số tiền 37.224.844 đồng theo bảng tính lãi do Ngân hàng V lập là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã ký kết (điểm d, khoản 1 mục VIII của Giấy đăng ký; Điều 2, Điều 6, Điều 7 Bộ Điều khoản và điều kiện); phù hợp quy định của pháp luật tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu đòi tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/10/2019 cho đến ngày bà N trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên được chấp nhận.

- Về thời hạn thanh toán:

Xét bà N đã vi phạm thời hạn thanh toán, kể từ ngày 27/8/2017 cho đến nay không thanh toán khoản tiền nào cho Ngân hàng V. Như vậy, cho thấy bà N đã không có thiện chí trả nợ nên yêu cầu của Ngân hàng V buộc bà N trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm là 2.973.727đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng):

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp;

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền 59.474.540đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi đồng), trong đó (nợ gốc: 22.249.696 đồng; nợ lãi trong hạn + nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/10/2019 với tổng số tiền 37.224.844 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 29/10/2019, bà Trần Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong “Giấy Đăng ký vay tiêu dùng, kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN 1705090046850 ngày 16/5/2017” và “Bộ Điều khoản và Điều kiện của Ngân hàng V” cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.311.000đ (Một triệu ba trăm mười một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019883 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

- Bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.973.727đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V và bà Trần Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Đặng Thị Kim Nguyên

